

Name:

Grammar:

Class: S2...

Listening:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2 - Grammar Revision & Movers Listening

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	teach (v) → taught	dạy → đã dạy	5	crocodile (n)	con cá sấu
2	swim (v) → swam	bơi → đã bơi	6	bat (n)	con dơi
3	come (v) → came	tới → đã tới	7	penguin (n)	con chim cánh cụt
4	naughty (adj)	hư, nghịch ngợm	8	parrot (n)	con vẹt

**Note: v = verb: động từ; n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

**Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐÒNG vào vở ghi*

B. EXTRA STRUCTURE

1. How many ?



How many maps are there?

(Có bao nhiêu bản đồ?)

→ **There is** one map.

(Có một cái bản đồ.)



How many books are there?

(Có bao nhiêu sách?)

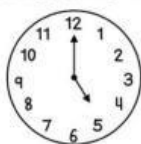
→ **There are** three books.

(Có ba quyển sách.)

2. Whose ...? and possessive 's

Whose key is it? (Đây là chìa khoá của ai?) → It's **Tom's** key. (Đây là chìa khoá của Tom.)

3. What time is it?



What time is it?

(Bây giờ là mấy giờ?)

→ It's five **o'clock**.

(Bây giờ là năm giờ.)

4. Direction



turn left
(rẽ trái)



go straight
(đi thẳng)



turn right
(rẽ phải)



Where's the toy shop?









(Cửa hàng đồ chơi ở đâu?)

→ It's **between** the candy shop **and** the bookstore.

(Nó ở **giữa** cửa hàng kẹo ngọt **và** nhà sách.)

C. HOMEWORK

I. Look and answer the following questions (Nhìn và trả lời các câu hỏi sau đây)

	00. What time is it? → It's <u>twelve o'clock</u> .		3. What time is it? → It's _____.
	0. How many balls are there? → There <u>is 1 / one ball</u> .		4. How many bikes are there? → There _____.
	1. What time is it? → It's _____.		5. What time is it? → It's _____.
	2. How many cars are there? → There _____.		6. How many trees are there? → There _____.

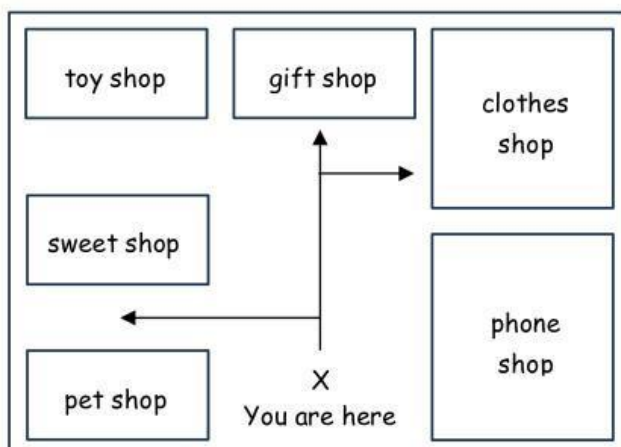
II. Complete the sentences using “Whose....?” structure with possessive ‘s

(Hoàn thành câu sử dụng cấu trúc hỏi “Whose....?” và sở hữu cách ‘s)

0. Whose ball is it? (Tom) → It's Tom's ball.
1. _____ kite is it? (Tim) → It's _____ kite.
2. _____ dog is it? (dad) → It's _____ dog.
3. _____ dress is it? (Rosy) → It's _____ dress.
4. _____ doll is it? (Bella) → It's _____ doll.
5. _____ book is it? (mum) → It's _____ book.

III. Complete the conversation with the given words (Hoàn thành đoạn hội thoại với từ vựng cho sẵn)

turn right	between	go straight	turn left	where's	and
------------	---------	------------------------	-----------	---------	-----



Tom: I want to go to the toy shop.

Suzy: (0) Go straight! The gift shop is between the toy shop (1) _____ the clothes shop.

Tom: And (2) _____ the sweet shop?

Suzy: (3) _____. The sweet shop is (4) _____ the toy shop and the pet shop.

Tom: And where's the clothes shop?

Suzy: Go straight. When you see the gift shop, (5) _____.

Các con nghe bài ở link này:

https://drive.google.com/file/d/1QcJmYIjI7EM95Eayk4BpLpN_9Z_Cg7or/view?usp=sharing

Part 3

– 5 questions –

Which animal does each person in Anna's family like?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



mum

B



A



B



uncle



C



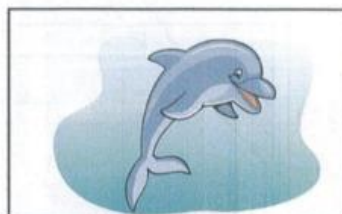
D



dad



grandpa



E



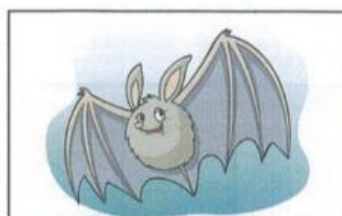
F



sister



aunt



G



H